

**TRUYỀN THÔNG HIẾU HỌC, GIÀU CHÍ TIẾN THỦ
TRỞ THÀNH NHÂN TÀI GIÚP VUA XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ ĐẤT
NƯỚC CỦA CON NGƯỜI QUẢNG BÌNH QUA CÁC VƯƠNG TRIỀU**

PGS.TS. NGUYỄN VĂN ĐĂNG

Trưởng Đại học Khoa học Huế

CN. PHẠM NHÂN ĐỨC

Học viên cao học, Trường Đại học Sư phạm Huế

Quảng Bình điểm nút thắt của quốc gia hình chữ S, ngay từ thời tiền sơ sử trên mảnh đất này đã có con người sinh sống, đã trải qua tiến trình lịch sử với bao lần thay đổi cương vực, tên gọi, đơn vị hành chính. Không đâu xa kể từ khi sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt (1069) cho đến nay, Quảng Bình đã khoác trên nó nhiều tên gọi khác nhau: 2 châu Bố Chính, Địa Lý (Lâm Bình - 1075), phủ Tân Bình thời Minh thuộc, lộ Tân Bình thuộc đạo Hải Tây (1427). Tên Tân Bình vẫn được giữ nguyên dù qua 3 lần thay đổi các đơn vị trực thuộc (1428, 1466, 1490), sang năm 1600 lại đổi thành phủ Tiên Bình. Để rồi danh xưng Quảng Bình lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1604 dưới thời chúa Tiên Nguyễn Hoàng với tên gọi hành chính là phủ Quảng Bình sau là 3 dinh Bố Chính, Quảng Bình, Lưu Đồn (1744) rồi trấn, dinh, Hữu trực và sau cùng là tỉnh Quảng Bình (1831) tồn tại cho đến ngày nay.

Do nằm ở vị trí yết hầu của miền Thuận Quảng nói riêng và Đại Việt nói chung, nơi đây đã chứng kiến và chịu đựng nhiều nỗi đau về sự chia cắt và mất mát trong thiên tai, địch họa. Cũng vì lẽ đó đã hun đúc nên những người con Quảng Bình anh dũng bất khuất, chiến đấu ngoan cường, tinh thần yêu nước, chí học hỏi cầu tiến để vượt qua phong ba, bão táp.

Nhận thức được sự khó khăn khi đối mặt với thiên nhiên khắc nghiệt, cuộc sống đầy gian nan và nghèo khó đã hình thành nên con người Quảng Bình với bản lĩnh kiên trì bền bỉ, cần kiệm giản dị, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, biết lấy sự học làm con đường khai sáng cũng như đó là cách để khẳng định bản thân, vượt qua số phận. Tổng hòa các yếu tố, trải qua thời gian đã hình thành nên truyền thống yêu nước, hiếu học, chí tiến thủ, uơm mầm cho những bậc tôi trung nhân nghĩa phục vụ cho tổ quốc, giang sơn.

1. Truyền thống hiếu học, giàu chí tiến thủ trở thành nhân tài của con người Quảng Bình

1.1. Cơ sở hình thành

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

Quảng Bình trong lịch sử là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa khác nhau, là nơi tụ hội của nhiều luồng cư dân, do vậy đã tạo ra một nền văn hóa bản địa với những nét văn hóa riêng trong đời sống sinh hoạt của cư dân nơi đây.

Nơi đây vừa có sự tồn tại của nền Văn hóa Hòa Bình ở miền Tây và Văn hóa Bàu Tró ở miền xuôi tiêu biểu cho thời kì văn hóa đá mới ở ven biển miền Trung. Ngay từ đầu, Quảng Bình đã có một nền tảng kỹ thuật chế tác đồ đá, đồ gốm rất cao. Là chủ nhân của văn hóa gốm màu sớm nhất Việt Nam, người Quảng Bình ngay từ thời tiền sử đã hình thành nên bản sắc riêng, bản sắc của một nền văn hóa bản địa, là ngọn nguồn tạo nên bản sắc độc đáo của văn hóa Quảng Bình trong tổng thể văn hóa Việt Nam.

Với sự ý thức cao cho việc học tập khoa cử, các gia đình dòng họ là điểm khởi đầu cho việc thành công của các bậc nho sĩ. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên việc chăm lo cho con em có được cái chữ là điều rất quý. Với nền giáo dục Nho học được hình thành ở nước ta từ rất sớm, đặc biệt vào thời nhà Nguyễn, Quảng Bình là một trong những vùng đất có nhiều người đỗ đạt, với 44 sĩ tử đỗ đại khoa trong tổng số 558 người với 39 khoa thi.

STT	Triều vua	Số người đỗ Đại khoa	Tổng số người lấy đỗ	Số lần tổ chức thi
1	Minh Mạng	3	76	6
2	Thiệu Trị	6	78	5
3	Tự Đức	20	205	16
4	Kiến Phúc	1	7	1
5	Thành Thái	9	121	7
6	Duy Tân	2	33	2
7	Khải Định	3	30	2
Tổng		44	558	39

Nhiều hương ước ở các làng xã Quảng Bình cũng rất đề cao việc học. Trải qua các thời đại quân chủ, số học sinh Quảng Bình đi học rất đông, đặc biệt là số học sinh ở các trường tư, chỉ có một bộ phận con em gia đình quan lại, khá giả hoặc ở gần nơi đô hội thì mới có điều kiện theo học trường công.

Các sĩ tử nơi đây có tinh thần vượt khó trong học tập, với ý thức và thái độ học tập nghiêm cẩn, tiêu biểu như Nguyễn Trọng Cần (Tân An, Quảng Thanh, Quảng Trạch). Trên hết, việc các sĩ tử có vào được “*cửa Khổng - sân Trình*” được hay không phụ thuộc rất lớn vào vai trò của gia đình - dòng tộc, nó là đòn bẩy to lớn cho sự thành công của nền giáo dục Nho học phong kiến nơi đây nói riêng và cả nước nói chung.

1.2. Biểu hiện của truyền thống hiếu học

- Vượt lên hoàn cảnh

Nằm nơi hẹp nhất của miền Trung, người dân quanh năm phải lo đối phó với sự khắc nghiệt của thiên nhiên, vượt qua khó khăn của hoàn cảnh, cho nên ngoài việc lấy nông nghiệp làm chủ yếu thì cư dân nơi đây còn tìm kiếm cho mình nhiều con đường làm ăn, nhiều sinh kế tiến thủ khác nhau. Đó là việc hình thành các làng buôn, các trung tâm trao đổi mua bán và các làng nghề thủ công với các sản phẩm nói lên sự cần mẫn, chăm chút của con người.

Thêm vào đó, Quảng Bình có hoàn cảnh lịch sử - xã hội khá đặc thù, là nơi diễn ra nhiều cuộc chiến tranh triền miên, khốc liệt ngay từ thời cổ trung đại qua thời cận hiện đại, trở thành bước đệm của công cuộc Nam tiến của người Việt. Là nơi địa đầu giới tuyến, đầu sóng ngọn gió của thời kì Bắc thuộc, thời nhà Lý, Trần. Trong giai đoạn Trịnh - Nguyễn phân tranh là địa phương phải chia hai để phân định ranh giới hai xứ Trong - Ngoài, là *Kinh đô kháng chiến* của phong trào Cần Vương trong giai đoạn đầu (1885-1888). Trong cuộc chiến thần thánh của dân tộc chống lại đế quốc Mĩ, nơi đây đóng vai trò trọng yếu trong con đường chi viện Trường Sơn bắc nam, là một trong những tuyến đầu, sau giới tuyến Vĩnh Linh nên trở thành một trong những trọng điểm đánh phá ác liệt của không quân và hải quân đế quốc.

Nhận thức được sự khó khăn khi đối mặt với thiên nhiên khắc nghiệt, cuộc sống đầy gian nan và nghèo khó, cộng với sự tàn phá của chiến tranh đã tạo nên con người Quảng Bình với ý chí sắt đá, bản lĩnh kiên trì bền bỉ, cần kiệm giản dị, yêu thương đùm bọc lẫn nhau biết lấy sự học làm con đường khai sáng, tạo ra truyền thống hiếu học, giàu chí tiến thủ. Đó cũng là cách để khẳng định giá trị của bản thân để rồi hình thành nên nhiều nhân tài, trong đó có đội ngũ các nhà khoa học khoa bảng đông đảo qua tiến trình lịch sử dân tộc.

- Các vị khoa bảng đầu tiên

Xứ Tân Bình ngay từ đời Trần Thái Tông cho đến Mạc Mậu Hợp đã xuất hiện 5 vị Tiến sĩ, trong đó có một Trạng nguyên. Trương Xán người làng Hoàn Bò, huyện Hoàn Sơn (Quảng Trạch), ông sinh năm 1227, thi hội năm 1256, đỗ Trạng nguyên dưới thời vua Trần Thái Tông; còn đó Dương Văn An người Tuy Lộc (Lệ Thủy) sinh năm 1513, đỗ Tiến sĩ năm 1547 dưới triều Mạc, người để lại cuốn "*Ô châu cận lục*" nổi tiếng. Cụ Lê Đa Năng quê ở An Chế (Lệ Thủy) đỗ Tiến sĩ năm 1565. Năm 1580 xuất hiện Tiến sĩ Nguyễn Trạch ở Trung Hòa (Quảng Trạch). Và cuối cùng là Tiến sĩ Trần Đại Kháng ở An Chế (Lệ Thủy) đỗ năm 1592 dưới thời Mạc Mậu Hợp. Có thể nói, đây là năm vị khai khoa, mở đường cho thành công của nền giáo dục Nho học Quảng Bình.

- Khoa cử dưới triều Nguyễn

Dưới triều Nguyễn, do yêu cầu cấp bách của việc xây dựng bộ máy chính quyền trên một phạm vi rộng lớn nên việc tuyển chọn đội ngũ trí thức cho công cuộc trị vì và phát triển đất nước là yêu cầu tiên quyết. Nếu chỉ tính số Tiến sĩ, Phó bảng thì Quảng Bình là địa phương xếp thứ tư theo số người đỗ đại khoa dưới triều Nguyễn, chỉ sau Nghệ An, Thừa Thiên, Hà Tĩnh và bằng với Nam Định.

Không những vậy, Quảng Bình còn xuất hiện một vị Tiến sĩ võ được khắc tên ở Võ miếu, đó là cụ Lê Văn Trục người xã Thanh Thủy tổng Thuận Lễ, huyện Minh Chánh (Quảng Trạch). Năm 1869, ông được tham gia thi Hội đỗ Thứ Trúng cách, vào thi Đình đỗ thứ ba và được ban Đệ tam giáp Võ Tiến sĩ xuất thân. Chỉ thông qua những con số nêu trên cũng đủ để chứng minh cho truyền thống hiếu học của những người con đất Quảng Bình.

- Những cái nôi khoa bảng

Trên cơ sở thành công đỗ đạt của tầng lớp sĩ tử, xuất hiện nhiều địa phương nổi tiếng có nhiều người đỗ đạt, đặc biệt có nhiều bậc đại khoa. Đó là những cái “*cái nôi khoa bảng*”.

Trước hết là “bát danh hương”: Sơn (Lê Sơn - Tuyên Hóa), Hà (La Hà) Cảnh (Cảnh Dương), Thổ (Thổ Ngọa) ở huyện Quảng Trạch; Văn (Văn La), Võ (Võ Xá), Cổ (Cổ Hiền), Kim (Kim Nại) ở huyện Quảng Ninh. Ngoài ra còn có nhiều làng xã khác cũng có thể gọi là các nôi khoa bảng như Lý Hòa, Phù Chánh, Mỹ Lộc, Hòa Duật, Đại Phong... Tuy nhiên, cái nôi khoa bảng chỉ mang nghĩa danh xưng do hậu thế đặt ra, thực tế vẫn có nhiều làng xã không mang danh nghĩa là cái nôi khoa bảng nhưng vẫn xuất hiện nhiều bậc nhân tài mưu cao, chí lớn phục vụ cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Đội ngũ thầy giảng

Đội ngũ thầy giáo là một nền tảng cơ bản tạo nên sự thành công cho tầng lớp nho sinh ở Quảng Bình. Xuất phát từ việc tổ chức trường lớp thời quân chủ chia làm hai hệ thống trường công và trường tư riêng rẽ, nhất là vào thời Nguyễn, khi hệ thống giáo dục Nho học phát triển mạnh; ở các tỉnh, huyện đều có chức Đốc học, Huấn đạo, phụ trách công tác giáo dục, dưới sự quản lý của bộ Lễ. Từ thực tế trên đã sản sinh ra hai đội ngũ thầy giáo nhằm dạy dỗ cho hai đối tượng học trò trường công và trường tư.

Về thầy giáo trường công: Ra đi từ nhiều nơi trên mảnh đất Quảng Bình, các vị nho sĩ đỗ đạt ra làm quan hoặc được giữ lại làm thầy dạy ở trường Quốc Tử Giám, cho con em hoàng tộc hoặc giảng dạy tại các địa phương khác. Có các thầy như Ngô Đình Giới (huyện Phong Đăng), từng được sung làm Tư giảng, Giáo đạo cho các hoàng tử, sau làm Cần chính điện Đại học sĩ, Tham tri bộ Hình, sau được tặng Binh bộ Thượng thư; thầy Nguyễn Đăng Tuân (Phù Chánh - Lệ Thủy), từng làm Tư giảng sau đổi Thị giảng, rồi được bổ làm Hữu Tham tri bộ Lễ. Tiếp đó là thầy Lê Văn Hy (Lộc An - Lệ Thủy), làm đến Tư nghiệp Quốc Tử Giám sau xin về quê làm thầy giảng. Rồi thầy Nguyễn Duy Cần (Huân) (Lý Hòa - Bố Trạch), đỗ Tiến sĩ năm 1842, ban đầu làm chức giáo tập Tôn học đường, sau sung thêm chức Tế tửu Quốc Tử Giám. Ngoài ra còn có nhiều thầy khác nữa như thầy Nguyễn Đăng Đạo, Bùi Bá Đốc, Nguyễn Trường Tiến, Nguyễn Duy Tích, Nguyễn Thúc Khả, Nguyễn Quốc Uyên, Lê Văn Điền..., các thầy đều là những bậc giỏi về học thức, tính tình cương trực, khẳng khái, thanh liêm và luôn được tầng lớp nho sinh, các ông hoàng bà chúa tôn trọng.

Về các thầy trường tư: Đây là đội ngũ khá đông đảo, tạo thuận lợi cho sự phát triển nền giáo dục nho học địa phương thời Nguyễn. Đội ngũ này có thể là những vị

quan về hưu xin về quê dạy học, có thể là những sĩ tử không thi đỗ, hoặc có những người thi đỗ khi ra làm quan lại chán nản rồi lui về quê dạy học. Có thể kể đến các thầy như Nguyễn Văn Tịnh (Võ Xá - Quảng Ninh), ban đầu được bổ làm Tri huyện sau về quê mở trường dạy học; thầy Trần Tiến Ích (Thổ Ngọa - Quảng Trạch), ban đầu chuyên dạy lễ nghĩa ở triều đình sau ông cáo quan về làng mở trường dạy học; rồi thầy Lê Mô Khởi (Cao La Hạ - Bố Trạch), sau một thời gian làm các chức quan như An Sát, Bố Chính..., khi về sống tại quê nhà ông là người chăm lo tới đời sống của nhân dân, biết đốc thúc việc học hành cho con em, là người hưởng ứng phong trào Cần Vương đánh Pháp. Không chỉ có vậy, ở đây cũng có những người đỗ đạt cao nhưng không ra làm quan mà lại bỏ về quê dạy học như Nguyễn Thúc Úy (Võ Xá - Quảng Ninh), Phạm Quang Sinh, Lê Tôn...

- Các dòng họ - gia đình hiếu học

Gia đình và dòng tộc là hai nhân tố quan trọng, là động lực không thể thiếu trong nền giáo dục Nho học thời phong kiến. Qua thời gian khoa cử đã hình thành nên những gia đình dòng họ có nhiều người đỗ đạt, đó là dòng họ Nguyễn Duy ở làng Lý Hòa với năm vị đỗ đại khoa. Đó là gia đình Lê Văn Sinh với người cha là thầy giáo giỏi, con là thầy tú Hàn nổi danh một vùng...

Tất cả những điểm nêu trên đã chứng minh cho một truyền thống hiếu học, chí tiến thủ, một nghị lực phi thường của con dân Quảng Bình.

2. Đóng góp của các bậc nhân tài tiêu biểu Quảng Bình trong việc trị nước an dân qua các vương triều

2.1. Vị thế và giá trị con người Quảng Bình trong tiến trình lịch sử

- Trong tiến trình lịch sử, vùng đất Quảng Bình có một vị thế vô cùng quan trọng. Từ buổi đầu của quá trình Nam tiến, Lý Thường Kiệt đã đem quân đánh về phương Nam nhằm loại bỏ mối nguy hiểm khi quân Tống lần thứ hai sang xâm lược. Nơi đây còn là nơi giữ vững an toàn cho chiến trường phía Nam khi Đại Việt đối diện với quân xâm lược Nguyên Mông thế kỉ XIII.

Khi quân Minh sang xâm lược và đô hộ nước ta vào thế kỉ XV, tại Quảng Bình đã diễn ra các cuộc đấu tranh, khởi nghĩa chống ách đô hộ diễn ra trong suốt thời gian từ năm 1406 đến năm 1418, như việc hưởng ứng cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi, Trần Quý Khoáng..., những cuộc khởi nghĩa đều thất bại nhưng đã làm tiền đề cho khởi nghĩa Lam Sơn bùng nổ và thắng lợi.

Khi nghĩa quân Lam Sơn tiến vào giải phóng vùng Tân Bình, Thuận Hóa nhân dân Quảng Bình đã hưởng ứng và cùng góp phần xây dựng vùng đất từ Thanh Hóa đến Thuận Hóa thành một vùng hậu phương lớn, vùng căn cứ địa để tiến ra Bắc giải phóng đất nước. Quân dân Quảng Bình cũng đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi thần tốc của Quang Trung trước Mãn Thanh xâm lược. Truyền thống chống ngoại xâm đó ngày càng được tôi luyện trong lò lửa chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Dưới chiếu Cần Vương, nhân dân Quảng Bình đã anh dũng đứng lên bảo vệ Hàm Nghi, kháng chiến chống Pháp xâm lược. Sau khi thất bại ở một số địa điểm khác, Tôn

Thất Thuyết đã chọn vùng tây bắc Quảng Bình làm căn cứ kháng Pháp lâu dài, là “Kinh đô kháng chiến” thời Cần Vương, vì thế nơi đây là một trong những nơi ghi dấu đậm nét trong sự thành bại của phong trào trong ba năm 1885 - 1888. Với tinh thần chiến đấu ngoan cường, nơi đây trở thành nguồn động lực to lớn cho phong trào chống Pháp toàn đất nước cùng với tên tuổi của những người lãnh đạo phong trào như Lê Trực, Mai Lương, Nguyễn Phạm Tuân... còn sáng mãi trong lòng các thế hệ về sau.

Thắng lợi của quân và dân Quảng Bình trong kháng chiến chống ngoại xâm và trong công cuộc xây dựng đất nước đã góp phần phát huy tiềm lực, bảo vệ vững chắc chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, cũng như bảo vệ những giá trị văn hóa truyền thống quý báu của dân tộc.

- Giá trị của con người Quảng Bình còn kết tinh ở truyền thống yêu nước và tinh thần lao động cần cù, sáng tạo.

Truyền thống yêu nước là một trong những nhân tố tạo nên giá trị tinh thần truyền thống của con người Quảng Bình nói riêng và cả nước nói chung. Do vậy ngoài những nhân tố chung để tạo nên giá trị tinh thần như điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh hoạt, không gian văn hóa thì ở đây còn chịu tác động của nhân tố hoàn cảnh lịch sử - xã hội cụ thể.

Con người Quảng Bình phải oằn mình gánh chịu những đau thương mất mát, khói lửa của chiến tranh, nhưng họ không bao giờ bỏ cuộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Chính nó là một trong những nhân tố hình thành truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của người dân nơi đây.

Về tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, tác giả Nguyễn Thế Hoàn¹ đề cập tới 6 vấn đề: Cần cù thông minh sáng tạo trong việc xây dựng và chọn phương thức cư trú, trong kiến trúc và xây dựng dân dụng, trong chế ngự và cải tạo môi trường sản xuất nông nghiệp, trong các công trình kiến trúc quân sự thành quách, trong lao động sản xuất của cải vật chất và trong học hành khoa cử.

Khi bàn đến vấn đề thông minh sáng tạo trong kiến trúc và xây dựng dân dụng tác giả cho rằng “...đó là đức tính cần cù trong lao động tập thể cộng đồng, có thể nói các công trình kiến trúc xây dựng cộng đồng làng xã là kết quả lao động không chỉ của một thời đại mà là kết quả lao động của nhân dân được gom góp từ nhiều thế hệ”. Đây là khẳng định hoàn toàn hợp lý khi mà con người Quảng Bình phải thường xuyên đối chọi với thiên tai, địch họa qua nhiều thế hệ. Hơn thế, đây là một trong những biểu hiện cơ bản của truyền thống yêu quê hương, yêu đất nước.

2.2. Đóng góp của các bậc nhân tài, tôi trung Quảng Bình đối với đất nước

“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà hưng thịnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp hèn” là câu nói của Tiến sĩ Thân Nhân Trung (1419-1499) trải qua hơn 500 năm vẫn còn nguyên giá trị. Hiền tài ở đây không chỉ được hình thành bằng con đường khoa cử mà còn được hiểu là những bậc

¹ Nguyễn Thế Hoàn, *Giá trị tinh thần truyền thống con người Quảng Bình*, Nxb Thuận Hóa, 2001, tr.50.

nhân tài đi lên bằng nhiều con đường khác nhau, miễn là những nhân vật có tiếng, góp phần vào công cuộc ổn định phát triển đất nước, công tác an dân.

Trải qua các vương triều trong lịch sử, Quảng Bình đã đóng góp cho đất nước nhiều nhân vật tài ba, những dòng họ tiêu biểu có mặt trong nhiều lĩnh vực cả công tác nội trị như phát triển kinh tế, văn hóa - giáo dục, công cuộc trị bình đất nước và công tác mở mang bờ cõi và công cuộc chống ngoại xâm.

a. Về công tác nội trị

- Về kinh tế

Trong bối cảnh xã hội đầy phức tạp rối ren vào cuối thời Trần, đã xuất hiện một nhân vật để lại nhiều dấu ấn đó là Tiến sĩ Hoàng Hối Khanh (1362 - 1407). Trên đất Quảng Bình, ông có công rất lớn trong việc lập điền trang ở Lệ Thủy. Vốn là một Tiến sĩ, một viên tướng, nhưng ông là người luôn quan tâm đến việc phát triển kinh tế - xã hội cho đất nước. Bằng mô hình điền trang, ông đã góp phần vào việc phát triển toàn diện của huyện Lệ Thủy với tư cách là một viên quan địa phương của nhà Trần.

Trong thời đại quân chủ, nơi đây còn đóng góp cho đất nước những người thợ giỏi của cư dân làng rèn Phan Xá, Hoàng Giang, một trong những người tiên bối của lớp nghệ nhân phường Đúc (Huế). Ngoài ra còn có các ngư dân của các làng biển Cảnh Dương, Lý Hòa là những người có nhiều đóng góp trong việc chuyên chở hàng hóa bằng đường biển từ thời Nguyễn trở về trước.

Thêm nữa, nơi đây còn là điểm khởi thủy của nhiều danh thần có những đóng góp cho việc ổn định phát triển kinh tế đất nước, nhất là kinh tế nông nghiệp. Sang thế kỉ XVIII, nền kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn khi phải chống chọi với thiên tai, đói kém, mùa màng thất bát. Trước trách nhiệm của những viên quan chăm lo đến đời sống nhân dân, họ đã có nhiều cố gắng trong việc giúp dân vượt qua đói kém, ổn định đời sống. Một nhân vật tiêu biểu là Thượng thư Nguyễn Đăng Giai. Ông làm quan dưới thời Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, nhiều lần được tin tưởng giao nhiệm vụ đi làm khâm sai, kinh lược tới những địa phương mất ổn định. Ông thường xuyên dâng sớ trình bày về việc bãi bỏ lệnh cấm bán gạo, ngưng việc đặt đồn canh đê người dân tự do đi lại giao thương; ngưng việc thu thuế quan ải, tạm ngưng bắt điền lính, nạo vét sông ngòi, chăm lo thủy lợi... Đó là thượng thư Vũ (Võ) Trọng Bình (1808 - 1898), nhân vật có ảnh hưởng không nhỏ dưới thời Thiệu Trị, Tự Đức, nổi tiếng là người có tính cương trực, thanh liêm và biết quý trọng dân. Ông đã có lần dâng sớ xin tha hoặc giảm thuế cho dân, thu vừa phải thuế ải và bến đò, xin gia thêm hạn để thử sức cho người làm lực dịch, không nên cho người Tây dương vào giao thương, cho dân vay tiền để mua nông cụ, khuyên các thổ hào mộ lập lính đồn điền..., về sau ông được lĩnh Lại bộ Thượng thư, kiêm quản Quốc Tử giám sung Cơ Mật Viện đại thần.

- Về văn hóa - giáo dục

Có thể nói, đây là mặt đóng góp điển hình nhất của các danh nhân Quảng Bình đối với đất nước, nhiều vị từ khoa cử đã tiến thân trên con đường hoạn lộ, về sau lại làm chủ khảo, phó chủ khảo, giám thí trong nhiều trường thi.

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

Đó là Tham tri bộ Lễ Nguyễn Đăng Tuân, chủ khảo trường thi Hương ở Nam Định năm 1828, Thượng thư Hoàng Kim Xán chủ khảo kì thi Hội năm 1829. Rồi cụ Đông các Đại học sĩ Võ Xuân Cẩn, chủ khảo kì thi Hội năm 1841, cụ Hữu Thị lang bộ Binh Hà Văn Quan chủ khảo kì thi Hương Nam Định 1878. Ngoài ra, còn có chủ khảo Nguyễn Đăng Giai, phó chủ khảo Nguyễn Quốc Hoan, giám thí Lê Sĩ..., các ông đều là những bậc thanh liêm, giản dị, trung quân ái quốc, công bằng, trong sáng trong việc tổ chức quản lý các trường thi.

Nơi đây còn tạo ra đội ngũ thầy giảng có tiếng tăm, y đức ở triều đình cũng như ở địa phương như thầy Ngô Đình Giới, Nguyễn Đăng Tuân, Lê Văn Hy, Nguyễn Văn Tịnh, Trần Tiến Ích..., những người mà chúng tôi đã đề cập ở trên.

Một nhân vật nổi tiếng là Nguyễn Thế Trực (1745 - 1807) quê ở Lộc An, An Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình. Ông là người có tài đức mẫn cán, văn võ song toàn, là người làm quan trải ba triều đại (thời cuối chúa Nguyễn, thời Tây Sơn và thời kỳ đầu của nhà Nguyễn). Nhờ có tài năng, đức độ và nhanh chóng hòa nhập với thời cuộc, ông đương chức *Tri huyện* dưới thời chúa Nguyễn, sang thời Tây Sơn giữ chức *Thượng thư bộ Hình* (1800), sang triều Nguyễn ông giữ chức *Tham Tri bộ Hình*, rồi sau chuyển lên làm *Phó đốc học*, làm việc trong Quốc Tử giám và đóng vai trò là người bảo ban dạy dỗ những thế hệ học trò Nho học.

Ngoài ra, do sự ảnh hưởng của nền giáo dục Nho học nên đã xuất hiện các cá nhân khi ra làm quan đã rất quan tâm tới nền giáo dục của đất nước, xét ở Quảng Bình thì chúng ta có thể đề cập tới nhân vật Trần Mạnh Đán. Con đường hoạn lộ của ông tuy không dài, nhưng tới đâu ông cũng luôn chăm lo mở mang đường sá, kiến thiết trường học, lập chợ, phát triển thương nghiệp. Là người làm chính trị nhưng ông tỏ ra rất am tường và say mê khoa học, là tác giả của nhiều công - nông cụ như máy bơm nước, máy kéo sợi, thuyền máy chân vịt quay tay... Đặc biệt, ông là một tác giả lớn về văn học, thể hiện tình yêu đối với non sông đất nước. Thêm vào đó ông cũng là tác giả của rất nhiều công trình đồ sộ trải rất nhiều lĩnh vực như: giáo dục, ngôn ngữ, tư tưởng, triết học, cơ khí, toán học, lịch sử, địa chí..., cho nên Trần Mạnh Đán là người luôn theo kịp với xu thế và tư tưởng của thời đại. Và vẫn còn nhiều nhân vật khác mà chúng tôi chưa có điều kiện đề cập.

Cuối cùng là sự nghiệp nghiên cứu khoa học, sáng tác thơ văn của các danh nhân. Về tác phẩm có giá trị, trước tiên chúng ta phải nói đến công trình có tầm vóc lớn vào giữa thế kỉ XVI, cuốn *Ô châu cận lục* của Tiến sĩ Dương Văn An. Đây là một trong vài tài liệu địa phương chí sớm nhất nước ta, ghi chép về nhiều phương diện như làng xã, chợ búa, núi sông, thành quách, phong thổ, nhân vật,... của dải đất miền Trung từ [Quảng Bình](#) trở vào đến [Quảng Nam](#) đầu [thế kỉ XVI](#).

Sang triều Nguyễn, các nhân vật Quảng Bình xuất hiện khá nhiều trên tất cả các lĩnh vực. Phải kể đến Võ Xuân Cẩn, người chủ trì biên soạn bộ *Đại Nam thực lục*, Hoàng Kim Xán với *Đại Nam hội điển sự lệ*, Hoàng Kế Viêm với *Phê thị trần hoàn*, *Tiên công sự tích biệt lục*, *khôn y lục*, *chi chi thi thảo*..., Huỳnh Côn với *Quảng Bình Đăng khoa lục*, *Trung Việt dục tích hợp biên*..., Nguyễn Hàm Ninh (1808 - 1867) với

Tĩnh Trai thi tập, Dục sự ngẫu đề, Phan thúc ước..., Hà Văn Quan (1827 - 1888) người mê sách với biệt danh *ông quan 12 đài sách* với những vần thơ trau chuốt êm đềm, với tư tưởng trung quân ái quốc được bộc lộ rõ ràng trên từng mặt chữ văn chương. Sang thời cận đại có nhà thơ tài ba Hàn Mặc Tử (1912 - 1940) và nhiều tác giả khác với nhiều lĩnh vực khác nhau như lịch sử, y học, văn học, Hán Nôm...

- Về công cuộc trị bình đất nước

Đây cũng là phương diện mà Quảng Bình đóng góp không nhỏ cho sự phát triển, ổn định của đất nước.

Đào Duy Từ (1572-1634), người huyện Ngọc Sơn (Thanh Hóa), là danh thần thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên, thường can ngăn chúa trước khi có việc, làm phép sát hạch, thi cử kén nhân tài và tiến cử Nguyễn Hữu Tiến lên làm tướng... "*Duy Từ có tài thao lược văn võ, phụ chính 8 năm, công nghiệp rờ rang, đứng đầu các khai quốc công thần. Tác phẩm Hồ trưởng khu cơ và Ngọa Long cương ngâm lưu truyền ở đời*"², là nhân vật mà tên tuổi gắn với vùng đất Quảng Bình.

Nguyễn Hữu Tiến, là người cùng quê gốc với Duy Từ, được ông tiến cử lên chúa, về sau Hữu Tiến cũng đóng vai trò là một vị công thần của chúa Nguyễn, được chúa tặng phong là Hiệp mưu tán lý công thần, Đặc tiến tả quân đô đốc phủ chương phủ sự, Tiết chế rồi Thuận quận công. Sau khi mất vào mùa thu năm Bính Ngọ (1666), nhân dân Quảng Bình thương tiếc lập đền thờ ông ở ấp Tráng Tiệp.

Nguyễn Hữu Dật (1603-1681), cũng là một danh tướng trong chiến tranh chống Trịnh, "*Hữu Dật là người sáng suốt có tài thao lược*"³. Từ một Văn chức, về sau ông đã ra làm Giám chiến, được phong là Thượng đẳng công thần và thờ phụ vào Thái miếu. Là người có chức lớn mưu cao và được người dân thương yêu, nể trọng cho nên người Quảng Bình đã gắn cho ông hai chữ thân thương "*Bồ Tát*" và lập đền thờ ông. Ông còn là thân phụ của hai người con tài ba là Nguyễn Hữu Hào và Nguyễn Hữu Cảnh.

Tiếp đó là các danh nhân thuộc dòng họ Nguyễn Cửu, quê Thanh Hóa, được chúa Nguyễn ban quốc tính. Năm 1820 được đổi là Nguyễn Cửu, là dòng họ để lại nhiều dấu ấn trên mảnh đất Quảng Bình với các tên tuổi như: Nguyễn Cửu Kiều, Nguyễn Cửu Ứng, Nguyễn Cửu Dục, Nguyễn Cửu Thê, Nguyễn Cửu Vân,... Đa số các vị đều làm quan to, có nhiều đóng góp lớn cho các chúa Nguyễn, được người dân nơi đây tin yêu, thán phục công danh và khi các ông ngã xuống đều được lập đền thờ, hương hỏa.

Trương Công Phấn (Phúc Phấn) cùng với con cháu của ông như Trương Phúc Hùng, Trương Phúc Cương, Trương Phúc Thúc, Trương Phúc Phan..., đều có công lớn đối với chúa Nguyễn trong việc cai quản (trấn thủ) vùng đất địa đầu này, được chúa cho lấy lý sở Quảng Bình làm nhà thờ họ, được cấp cho *tự điền* và phu coi mã riêng.

² Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1, Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.100.

³ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1, Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.123.

Vào thế kỉ XIX và nửa đầu thế kỉ XX, một giai đoạn đầy biến động của lịch sử Việt Nam, khi đất nước đối diện với họa xâm lăng và bị xâm lăng. Tuy việc đánh giá về triều Nguyễn nói chung cũng như từng nhân vật nói riêng còn nhiều vấn đề chưa thống nhất, nhưng dù thế nào đi nữa thì chúng ta có thể ghi nhận ở thế kỉ XIX, các nhân vật Quảng Bình có nhiều đóng góp lớn cho công cuộc nội trị đất nước, đảm bảo ổn định và trật tự xã hội. Đó là các tên tuổi lớn như Võ Xuân Cẩn, Vũ Trọng Bình, Nguyễn Đăng Tuân, Nguyễn Đăng Giai, Nguyễn Phạm Tuân...

Võ Xuân Cẩn (1778-1852), người huyện Lệ Thủy. Năm 1802, ông được bổ vào viện Hàn Lâm rồi hiệp trấn Hưng Hóa, Sơn Nam, Nghệ An, Tả Tham tri bộ Hình, Hữu Tham tri bộ Lại, rồi thăng Thượng thư bộ Công, Tổng đốc Bình Phú. Năm 1841, thăng Thượng thư Đông các Đại học sĩ, gia hàm Thái tử Thái bảo. Là nhân vật được trọng vọng dưới bốn triều đại “Tứ triều nguyên lão”, khi mất được đưa vào thờ ở đền Hiền Lương. Là một người có *“tính trầm tĩnh, kín đáo trung thực, già mà còn đốc chí hơn, lúc tuổi già nghĩ kĩ về nghĩa tiến lui, mấy lần dâng sớ trình bày khẩn thiết xin về”*⁴. Khi ra làm quan, ông hết lòng vì dân trong hạt, nghiêm minh công bằng trong thi cử, tố giác các quan gian dối, không làm tròn nhiệm vụ.

Vũ Trọng Bình (1808-1899) là nhân vật có ảnh hưởng không nhỏ dưới thời Thiệu Trị, Tự Đức, trải chín đời vua. Năm 1848, ông được bổ làm Thừa Thiên Phủ doãn, năm 1856 làm Hộ lý Tổng đốc Ninh - Thái, năm 1858 làm Tổng đốc An - Tĩnh. Sau đó ông tâu ba việc đề vãn về dân Bắc Kỳ. Năm 1863, được chuyển làm Thượng thư bộ Hộ, kiêm bộ Công, sung Cơ Mật Viện đại thần. Từ đó trở đi, ông trải qua nhiều chức quan ở nhiều tỉnh thành và các cơ quan khác nhau, nổi tiếng là người thanh liêm chính trực, bởi vậy: *“Trọng Bình là người cứng rắn, thẳng thắn, thực thà ngay thẳng, đến đâu cũng có tiếng liêm bình, dẫu sở đoán về cách dùng binh nhưng sở trường về cách trị dân, nên sau khi đi dân vẫn thường nhớ”*⁵.

Nguyễn Đăng Tuân, là người cùng huyện với Võ Xuân Cẩn, tính tình thận trọng, chuẩn mực. Năm 1820 được bổ làm Thiêm sự bộ Lễ, năm thứ 8 bổ làm Hộ tào Bắc thành, rồi sang Bình tào, sau về làm Hữu Tham tri bộ Lễ sung chức phó Tổng tài, sau thăng hàm Tả Tham tri bộ Lễ, khi ông mất (thọ 73 tuổi) được truy tặng là Thiệu sự.

Nguyễn Đăng Giai là con của Đăng Tuân. Ông là người có kiến thức sâu rộng, có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực vào sự phát triển của đất nước. Gặp nạn đói, dân phiêu bạt khắp nơi, ông tâu xin đặt *Sở Dưỡng tế* để cứu trợ khẩn cấp cho dân nghèo. Gặp tỉnh có thu hoạch kém ông xin hoãn thu thuế, bán kho thóc để cấp cho dân. Ngoài ra ông còn có công diệt giặc quấy rối cướp bóc ở tỉnh Ninh Bình, rồi các huyện Cẩm Thủy, Quảng Hóa, dẹp yên giặc Thổ ở Sơn Tây, với chức danh Thượng thư Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên. Năm Thiệu Trị thứ 6 đổi làm Tổng đốc Hà Ninh, là nhân vật có công trị thủy, đắp đê ở Bắc Kỳ. Bởi vậy các sử thần trong Quốc sử quán đã nhận xét: *“Đăng*

⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 3, Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.267.

⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 4, Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.174.

Giai xuất thân là thế thân, được vua để ý chọn cất lên, trải qua làm quan trong triều, ngoài quận, dựng được nhiều muru kế sáng suốt, công nghiệp kể cũng rục rờ”⁶.

Hoàng Kim Xán, người huyện Phong Lộc, năm 1804 ông được chuyển làm Thiêm sự bộ Lễ, hai năm sau làm Biện lý bộ Công, Tham tri rồi Thự Thượng thư bộ Hình. Từ đó ông đã đóng góp nhiều công sức của mình vào sự nghiệp ổn định và trật tự xã hội. Năm 1813, ông làm Thượng thư bộ Binh kiêm Tổng đốc Nam Định, Hưng Yên. Khi xét bất kỳ một việc nào ông luôn dẫn đo cẩn thận, suy xét trước sau, rất quan tâm đến việc lộng quyền, oan uổng, bất công, vì thế ông luôn được người dân tin yêu, quý mến. Ông có 3 người con đều đỗ đạt và làm quan to, có nhiều đóng góp lớn cho đất nước, đó là các vị Hoàng Kim Thăng, Hoàng Diệu và Hoàng Kế Viêm. Kế thừa truyền thống của gia đình, con cháu các vị này cũng phát huy tinh thần yêu nước hiếu học để rồi đỗ đạt ra làm quan phục vụ đất nước.

b. Về công tác mở mang bờ cõi và công cuộc chống ngoại xâm

- Từ thời Lý cho đến thời chúa Nguyễn, xuất hiện nhiều danh nhân gắn bó hoặc có quê gốc ở Quảng Bình có nhiều cống hiến trong công cuộc mở mang bờ cõi và chống ngoại xâm.

Lý Thường Kiệt (1019-1105), là người có công khai phá vùng đất Quảng Bình và đưa dân đến khai hoang lập ấp. Năm 1069, vua Lý Thánh Tông thân chinh đi đánh Chămpa, Lý Thường Kiệt được phong đại tướng, cầm đầu đội quân tiên phong tiến vào đánh phá kinh thành. Quốc vương Chămpa là Chế Củ bị bắt và xin dâng ba châu Bố Chánh, Địa Lý, Ma Linh. Quảng Bình trở thành lãnh thổ phía Nam của Đại Việt, gắn liền với quá trình phát triển về sau của đất nước. Từ đó ông đã có những chính sách giảm thuế cho người dân, động viên khuyến khích nhân dân chăm lo sản xuất làm ăn, tham gia chiến đấu. Chính ông là người đặt nền móng đầu tiên cho công cuộc khai canh mở cõi đất phương Nam, là vị thần khai canh của vùng đất mang tên Quảng Bình.

Nguyễn Hữu Hào là con của Nguyễn Hữu Dật. Năm 1689, ông được cử làm thống suất tiến đánh Chân Lạp, có tư chất ai cũng nể sợ, vua Chân Lạp là Nặc Thu phải sai người đến cầu hòa. Năm 1713, khi ông mất được phong Đôn hậu công thân, về sau là Công thần khai quốc bậc nhì do Gia Long xếp hạng. Bản thân vốn xuất thân từ một gia đình võ tướng nhưng ông lại vừa có tâm hồn của một thi nhân, nên ông vừa là danh nhân quân sự vừa là danh nhân văn hóa.

Nguyễn Hữu Cảnh (1650-1700), con trai của Nguyễn Hữu Dật, là một trong những vị danh tướng nổi bật của Nam Hà. Sự nghiệp võ trị của ông đã để lại dấu ấn sâu sắc trên vùng đất Đàng Trong, đặc biệt là vùng đất Nam Bộ. Trước ông đã có nhiều vị đến khai phá vùng đất này, tuy nhiên tài đức và sự nghiệp của ông đã để lại một dấu ấn sâu sắc trong lịch sử mở nước cũng như trong tâm trí người dân Nam Bộ. “*Bởi vậy tỉnh An Giang có tới 19 đền thờ Thành hầu với các tên gọi Đền Ông, Tứ miếu Cồn Tiên, đền Đức Ông, đền Quan Ngài - Kiến An... và các tỉnh khác cũng có đền thờ*

⁶ Nguyễn Thế Hoàn, *Giá trị tinh thần truyền thống con người Quảng Bình*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2001, tr.291.

như: Tiền Giang, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, tại quê hương Quảng Bình và có cả ở Nam Vang⁷.

Trương Phúc Phan là người thứ ba sau Hữu Hào và Hữu Cảnh trong những vị khai phá mở mang vùng đất Nam Bộ. Bộ ba này thực sự là những nhân vật “khai sơn phá thạch”, đi tiên phong trong quá trình xác lập chủ quyền trên vùng đất này. Ông là viên tướng đã đánh bật quân Anh ra khỏi đảo Côn Lôn vào năm 1703, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, khẳng định chủ quyền biển đảo của tổ quốc, về sau ông được phong hàm Thái bảo.

Dòng họ Nguyễn Cửu cũng có nhiều đóng góp lớn đối với sự nghiệp trị bình đất nước về phương Nam. Là Nguyễn Cửu Vân với công lao dẹp yên giặc Chân Lạp, đánh tan viện binh của Nặc Thân là quân Xiêm (năm 1705), sau đó ông bắt tay vào khai khẩn vùng Cần Úc (thuộc Định Tường). Tiếp nối công lao hiển hách của Cửu Vân, con cháu ông là Nguyễn Cửu Chiêm, Nguyễn Cửu Đàm, Nguyễn Cửu Pháp, Nguyễn Cửu Dật, Cửu Tuấn..., cũng góp công lao to lớn trong việc trị bình và phát triển vùng đất mới Nam Hà.

- Chỉ tính riêng trong thế kỉ XIX, nhân vật Quảng Bình để lại nhiều dấu ấn trên chính trường nhà Nguyễn, kể cả giai đoạn xây dựng bảo vệ đất nước thời còn độc lập tự chủ (1802-1884), cho đến giai đoạn kháng Pháp xâm lược thời đất nước rơi vào ách đô hộ (1885-1945).

Hoàng Kế Viêm (1820-1909) người huyện Quảng Ninh, nguyên là Thống đốc quân vụ đại thần, có tài năng vượt trội về quân sự, khéo vỗ về dân chúng, biết chọn người tài và cất nhắc những người bị bỏ sót. Ông là người có công trong việc củng cố quân đội vững mạnh, giúp dân có cuộc sống an bình và dẹp loạn yên ổn ở mạn phía Bắc của đất nước, biết lập đồn canh và quản lý người Mãn Thanh sang cư ngụ ở Bắc Kỳ dưới triều Tự Đức.

Lê Sĩ một viên tướng dưới triều Tự Đức, sinh ra từ Võ Ninh, Quảng Ninh, trong một gia đình có truyền thống võ tướng. Ông ra làm quan trong hoàn cảnh lịch sử đầy biến động, đất nước đang bước vào trạng thái lung lay, trải nhiều chức quan với nhiều nhiệm vụ khác nhau, cho đến năm 1883 ông được phong là Đặc sứ phòng tuyến Thuận An, với nhiệm vụ cùng với các viên tướng khác bảo vệ cửa biển này. Khi Pháp tấn công thành Trấn Hải ông đã là Hữu quân đô thống chương phủ sự. Cuối cùng do chênh lệch về lực lượng, quân đội của ông đã thất bại, ông bị thương nhưng vẫn chiến đấu tới hơi thở cuối cùng và ra đi trong trận này.

Sau vụ biến kinh thành Huế (7/1885), vua Hàm Nghi xuất bôn và ra chiếu Cần Vương. Với một địa thế xung yếu, Quảng Bình đóng vai trò là kinh đô kháng chiến của phong trào trong 3 năm (1885-1888), địa bàn hoạt động chủ yếu là vùng thượng lưu sông Gianh. Từ đây phong trào đã phát triển rầm rộ và lan rộng ra toàn cõi Việt Nam, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Trong hoàn cảnh đó nơi đây đã

⁷ Vĩnh Nguyên - Nguyễn Tú, *Danh nhân Quảng Bình*, Tập 2, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997, tr 60-61.

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

xuất hiện nhiều thủ lĩnh với những nghĩa quân can đảm với những viên tướng tài ba xả thân vì Sơn Triều, vì quốc gia, dân tộc, tiêu biểu là:

Lê Trực: Đền đốc Lê Trực là viên tướng có vai trò to lớn trong phong trào Cần Vương, trưởng thành từ một vị võ *Tiến sĩ*. Ông lấy vùng núi Thanh Thủy làm căn cứ, cộng với sông Gianh làm địa bàn để thực hiện chiến lược chiến tranh du kích kháng Pháp, gây cho Pháp một số khó khăn nhất định. Vào năm 1888, Pháp mở ba cuộc tấn công vào căn cứ Lê Trực nhưng đều bị thất bại, nhưng đây cũng là những đòn giáng mạnh vào nghĩa quân. Lê Trực với Tôn Thất Đàm vẫn tiếp tục kháng chiến. Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, Tôn Thất Thuyết bị giết, các lãnh tụ của phong trào bắt đầu thoái chí. Cuối cùng ông bị bắt và bị an trí tại quê hương cho đến cuối đời. Ngoài Lê Trực ra còn có các thủ lĩnh khác của phong trào như: Lê Mô Khởi, Mai Lượng, Hoàng Phúc, Nguyễn Phạm Tuân,...

Lê Mô Khởi (Khải) (1836-1895), hay Lê Ngọc Thành, người xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch. Bước vào con đường hoạn lộ khi vận nước đang suy, lúc đầu làm việc ở Bình Định, Thanh Hóa, sau về làm Án sát rồi Bố chính ở Hải Dương. Sau hiệp ước Patonotre (1884), ông từ quan về quê, mở trường dạy học. Dưới chiếu Cần Vương ông đã đứng lên kêu gọi nhân dân địa phương đứng lên chống Pháp. Lấy làng Cao Lao Hạ làm căn cứ, nghĩa quân không ngừng phát triển về số lượng, về sau rút vào căn cứ Trại Nái (Ba Trại), nghĩa quân của ông không chiến đấu riêng rẽ mà thường xuyên phối hợp chiến đấu với nghĩa quân của Lê Trực, sau đó là nghĩa quân của Phan Đình Phùng ở Hương Khê, làm cho Pháp hoang mang, hao binh tổn tướng. Cuối cùng do sức cùng lực kiệt ông đã qua đời vào năm 1895, thọ 60 tuổi, người dân địa phương đã lập đền thờ ông.

Bạch Xỉ (1855-1897) có tên là Đoàn Đức Mậu, sau đổi là Đoàn Chí Tuân. Đây là nhân vật có cuộc đời sự nghiệp và tư tưởng hành động có sự sai khác so với các chí sĩ khác của phong trào Cần Vương. Với quan điểm chỉ “bình Tây” chứ không “sát Tà” như khẩu hiệu của phong trào Cần Vương (Bình Tây, sát Tà). Cho nên hướng đi của ông không tạo được sự đồng thuận của giới lãnh đạo phong trào, đôi lúc ông phải chiến đấu riêng rẽ, đơn độc. Tuy nhiên, không phải vì thế mà ông từ bỏ chí hướng đấu tranh. Sau khi bị cụ Phan Đình Phùng từ chối hợp tác, ông quay về vùng Đại Hàm để xây dựng căn cứ kháng Pháp. Nghĩa quân của ông liên tục phát triển, sau đó ông quyết định tự lên ngôi lấy hiệu là *Long Đức hoàng đế*, tập hợp được lực lượng giáo dân tham gia đánh giặc, nhưng lại vô tình gây chia rẽ với phong trào Cần Vương nói chung. Sau khi Phan Đình Phùng thất bại, ông cũng bị bắt và nghĩa quân tan rã.

Nguyễn Phạm Tuân (1842-1897), một vị quan thương yêu nhân dân vô hạn, nhiều lần được triều đình khen thưởng. Sau chiếu Cần Vương, ông nhanh chóng hòa mình vào phong trào đấu tranh. Ông được giao nhiệm vụ phụ trách cơ quan Cần Vương trung ương cho cả nước, đóng tại huyện Tuyên Hóa. Suốt trong năm 1886, nghĩa quân của ông đã giao chiến nhiều trận với Pháp, giết tên Bố chính Quảng Bình và những tên quan hai, quan ba của Pháp. Một năm sau khi đang trên đường chuyển quân ra Hà Tĩnh, ông đã bị giặc bắt tại làng Cổ Liêm. Tên Muoteaux ra sức mua chuộc

PHẦN I:QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

ông bằng tiền tài danh vọng nhưng không thành, cuối cùng để giữ khí tiết ông đã tự vẫn vào ngày 10 tháng 4 năm 1897. Chính ông là tấm gương chiến đấu xả thân cho sự nghiệp độc lập tự chủ của giang sơn, dân tộc.

Mai Lượng (1838-1890) cũng là một danh nhân Quảng Bình trong phong trào Cần Vương. Cho đến cuối năm 1885, khi vua Hàm Nghi rút từ Hà Tĩnh về với miền Tây Quảng Bình, Mai Lượng được lãnh chức Lãnh binh và có nhiệm vụ bảo vệ mạn Nam của Sơn Triều, địa bàn hoạt động của nghĩa quân là vùng trung lưu hữu ngạn sông Gianh. Ông cũng thường xuyên phối hợp chiến đấu với nghĩa quân của đề đốc Lê Trực, Bạch Xi..., nhiều lần đã đẩy quân Pháp vào tình thế bị động lúng túng. Sau khi vua bị bắt, ông vẫn tiếp tục chiến đấu và bắt liên lạc với nghĩa quân của cụ Phan Đình Phùng, gây cho Pháp nhiều thiệt hại. Đến năm 1890, ông qua đời ở vùng núi rừng Cao Mại, nghĩa quân dần tan rã và đội quân của ông là ngọn nền cuối cùng của phong trào Cần Vương ở Quảng Bình.

Như vậy, với vai trò là những viên quan trong bộ máy triều đình cũng như một thần dân yêu nước, các nhân tài đã thể hiện đầy đủ vai trò trách nhiệm của một người làm quan, biết chăm lo cho dân, biết trung quân ái quốc, đồng lòng chống họa xâm lăng. Có nhân vật nổi trội về công tác nội trị phát triển văn hóa giáo dục đất nước, có nhân vật nổi trội về công tác mở mang bờ cõi, nhưng lại có nhân vật lại thể hiện tài năng trên nhiều lĩnh vực khác nhau cả nội trị và ngoại giao.

Trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc, Quảng Bình luôn đóng vai trò là miền xung yếu, điểm quyết chiến chiến lược của những nhà quân sự, chính trị. Là một phần của khúc ruột miền Trung, nơi án ngữ, điểm yết hầu của miền Thuận Quảng, Quảng Bình nhiều lần chứng kiến các cuộc chiến tranh xâm lược và chống xâm lược, chia cắt và chống chia cắt. Đó là các cuộc chiến tranh giữa Đại Việt và Chăm-pa từ phương Nam, giữa Đại Việt với nhà Tống, với Nguyên Mông, với nhà Minh từ phương Bắc. Nơi đây còn là bãi chiến trường, là điểm chia cắt dưới thời Lê - Mạc, Trịnh - Nguyễn..., gần hơn, đây cũng là nơi đối đầu về chiến lược giữa những người cách mạng và bọn đế quốc xâm lược Pháp, Mĩ. Bởi vậy, Quảng Bình vừa là “*vùng biên viễn*” thời mở đất, mở nước vừa là nơi “*đầu sóng ngọn gió*” thời chiến tranh, phân liệt.

Quảng Bình mảnh đất của truyền thống yêu nước, hiếu học, của ý chí tiến thủ để vượt qua mọi khó khăn của thiên nhiên, thời cuộc. Từ trong thiên tai đói kém, đã sinh ra một Quảng Bình với đức tính cần cù, nhẫn nại, chịu thương chịu khó, biết lấy sự học làm con đường khai sáng. Từ trong hoàn cảnh của chiến tranh loạn lạc đã sinh ra những con người với đức tính dũng cảm can trường, với những vị công thần khai quốc, mở cõi qua từng triều đại. Rõ ràng, chính nơi đây là nền tảng vững chắc tạo nên những truyền thống tốt đẹp, đặc biệt là truyền thống hiếu học, giàu chí tiến thủ trở thành nhân tài đóng góp vào công cuộc đổi mới đất nước, vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của những người con Quảng Bình trong thời đại ngày nay.

Tài liệu tham khảo:

PHẦN I: QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN VÙNG ĐẤT QUẢNG BÌNH

1. Nguyễn Thế Hoàn, *Giá trị tinh thần truyền thống con người Quảng Bình*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2001.
2. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam - UBND tỉnh Quảng Bình - Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về Danh nhân Quảng Bình*, Quảng Bình, 2012.
3. Nhiều tác giả, *Danh nhân Bình Trị Thiên*, Tập 1, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1986.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 1, Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 2, Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 3, Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005.
7. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, Tập 4, Viện Sử học, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005.
8. Vĩnh Nguyên - Nguyễn Tú, *Danh nhân văn hóa Quảng Bình*, Tập 2, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1994